

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/DS-ST

Ngày: 29/02/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Tấn Phát

2. Ông Trần Hoài Duy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chỉ: Số A P, Phường C, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T– Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Thanh T1
vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của Tổng giám đốc: Ông Nguyễn Bảo T2– Chức vụ: Giám đốc Phòng G.

Người được uỷ quyền lại: Ông Lê Phú T3– Chức vụ: Giám đốc Phòng G; Địa chỉ: Số I Đường N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Thái S năm: 1986; Địa chỉ: Tổ G, khu phố H, phường H,

thành phố T, tỉnh Tây Ninh Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1** đại diện trình bày:

Ông **Phạm Thái S1** quan hệ tín dụng với **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 – Chi nhánh T5** – Phòng G (gọi tắt là Ngân hàng), cụ thể như sau:

Ngày 10/10/2016, ông **Phạm Thái S2** Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng số 0130671401T16060, số tiền vay là 130.000.000 đồng, lãi suất vay là 8,5%/năm, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 10/10/2016 đến 10/10/2019, mục đích vay tiêu dùng, biện pháp bảo đảm bằng tín chấp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 10/10/2016 đến ngày 19/01/2019, ông **S3** chi trả cho Ngân hàng được số tiền vốn là 92.689.865 đồng, lãi trong hạn là 30.910.135 đồng. Tổng cộng là 123.600.000 đồng. Từ ngày 19/01/20219, ông **S4** phạm nghĩa vụ trả tiền theo thoả thuận, không trả số tiền còn lại cho Ngân hàng.

Do ông **S4** phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng không đạt kết quả. Hiện nay, hợp đồng tín dụng đã quá thời hạn vay nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc ông **S5** trả tiền nợ gốc cho Ngân hàng là 37.310.135 đồng, lãi trong hạn là 2.239.865 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 19/01/2019 theo mức 1,5 lần lãi suất trong hạn tính tới ngày xét xử là 22.368.259 đồng và tiếp tục tính lãi theo thoả thuận của hai bên trong hợp đồng cho đến khi ông **S6** toán xong các khoản nợ gốc và lãi.

*Bị đơn ông **Phạm Thái S7** không nộp bản tự khai, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến trình bày.*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa theo quy định của pháp luật.

- Đề xuất hướng giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1**, buộc ông S phải trả cho ngân hàng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 29/02/2024 là 61.918.259 đồng và tiếp tục tính lãi

phát sinh từ ngày 01/3/2024 cho đến khi trả xong hết các khoản tiền nợ. Về án phí: Buộc ông S phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ2 kiện ông Phạm Thái S7 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, ông Phạm Thái S7 cư trú tại thành phố T Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lê Phú T4 đại diện của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn ông Phạm Thái S7 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S .

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về nợ gốc: Căn cứ “Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ” ngày 07/9/2016 của ông Phạm Thái S8 Ngân hàng duyệt vay ngày 10/10/2016 thể hiện, Ngân hàng cho ông Phạm Thái S9 số tiền 130.000.000 đồng. Về điều khoản vay và cách thức trả nợ: Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 60 tháng tính từ ngày 10/10/2016 đến ngày 10/10/2019; mức lãi suất cho vay là 8,5%/năm, cách thức trả nợ: mỗi tháng trả cả gốc và lãi là 4.550.000 đồng. Ông S10 hiện việc trả tiền vay theo thỏa thuận tới ngày 19/01/2019 thì ngưng không thực hiện. Tổng số tiền nợ gốc ông S3 trả cho Ngân hàng là 92.689.865 đồng, lãi trong hạn là 30.910.135 đồng, tổng cộng đã trả cả gốc và lãi là 123.600.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc chưa trả là 37.310.135 đồng.

Ông S không cung cấp chứng cứ gì chứng minh hay có ý kiến phản đối về số tiền nợ gốc và tiền lãi đã trả, tiền nợ gốc còn lại chưa trả nên có căn cứ xác định, hiện nay ông S11 nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 37.310.135 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông S10 hiện nghĩa vụ trả số tiền này là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về số tiền lãi, lãi quá hạn thấy rằng:

Ngân hàng yêu cầu ông S12 số tiền lãi trong hạn là 2.239.865 đồng: Ông S13 trả tiền cho Ngân hàng từ ngày 19/01/2019, theo thỏa thuận trong hợp đồng vay của hai bên thì thời hạn cuối cùng để ông S12 nợ là ngày 10/10/2019 do đó từ ngày

19/01/2019 tới ngày 10/10/2019, Ngân hàng tính lãi suất khoản nợ gốc còn lại theo mức lãi suất trong hạn 8,5%/năm và yêu cầu ông S12 2.239.865 đồng là phù hợp.

Ngân hàng yêu cầu ông S12 số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 10/10/2019 tới ngày xét xử và tiếp tục tính cho đến khi ông S12 hết các khoản tiền nợ cho Ngân hàng:

Tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*”. Theo hợp đồng giữa Ngân hàng với ông S mục III, phần cam kết của người vay thì hai bên thỏa thuận lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn; mức lãi suất trong hạn hai bên thỏa thuận là 8,5%/năm. Như vậy, theo thỏa thuận nêu trên thì lãi suất quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu ông S phải trả theo mức 12,75%/ năm là phù hợp quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận. Ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 10/10/2019 đến nay nên ông S1 nghĩa vụ phải trả tiền lãi quá hạn cho Ngân hàng tính đến ngày 29/02/2024, số tiền lãi quá hạn là 22.368.259 đồng.

Ngoài ra theo quy định tại Án lệ số 08/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, thì ông S phải chịu lãi suất quá hạn kể từ ngày tiếp theo là ngày 01/3/2024 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ cho ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông S phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 37.310.135 đồng, lãi trong hạn là 2.239.865 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 19/01/2019 tới ngày xét xử là 22.368.259 đồng và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng cho đến khi ông S6 toán xong các khoản nợ gốc và lãi.

[3] Án phí: Do yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận nên ngân hàng không phải chịu án phí. Ông S phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] LỜI đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tại phiên tòa có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Án lệ số 08/2016 của Tòa án nhân dân tối cao;

Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1** đối với ông **Phạm Thái S7** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc ông **Phạm Thái S7** phải trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1** số tiền nợ gốc là nợ gốc là 37.310.135 (ba mươi bảy triệu ba trăm mười ngàn một trăm ba mươi lăm) đồng, lãi trong hạn là 2.239.865 (hai triệu hai trăm ba mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi lăm) đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 19/01/2019 tới ngày xét xử là 22.368.259 (hai mươi hai triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn hai trăm năm chín) đồng, tổng cộng là 61.918.259 (sáu mươi một triệu chín trăm mười tám ngàn hai trăm năm chín) đồng.

Kể từ ngày 01/3/2024, tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc chưa trả và lãi suất quá hạn theo mức lãi suất đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông S trả nợ xong.

4. Về án phí sơ thẩm dân sự:

- Ông **Phạm Thái S7** phải chịu 3.096.000 (ba triệu không trăm chín mươi sáu ngàn) đồng.

- **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1** không phải chịu án phí. Số tiền tạm ứng án phí **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1** đã nộp là 1.168.000 (một triệu một trăm sáu mươi tám ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0089340 ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh được hoàn lại.

5. Đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Tây Ninh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSNDTP. Tây Ninh;
- CCTHADSTP. Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Thị Thanh Hoa